

Bản án số: 31/2023/DS-PT

Ngày: 13 - 01 - 2023

V/v: “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: ông Võ Văn Ngẫu; ông Hà Chí Quốc

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phó - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2022/TLPT-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2022, về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử PX thẩm số 297/2022/QĐPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Lê Hoàng PX, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ X, ấp B, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: anh Nguyễn Văn Thiện, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp 3 (nay là ấp Phước An), xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ X, ấp B, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, (đã chết 23/11/2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Th:

2.1. Bà La Thị V, sinh năm 1954; (vợ ông Th); vắng mặt.

2.2. Chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1973; (con ông Th); vắng mặt.

2.3. Chị Nguyễn Thị Phương Đ, sinh năm 1975; (con ông Th); vắng mặt.

2.4. Anh Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1978; (con ông Th); vắng mặt.

2.5. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1980; (con ông Th); có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ X, ấp B, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh,

Người đại diện hợp pháp của chị Đ, anh Ph, anh P, bà V: anh Nguyễn Duy Hiếu, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp An Điền, xã An Bình, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2023); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Lê Hải Lộc, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ X, ấp B, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* ông Nguyễn Văn Th - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2005, mẹ của anh PX (nguyên đơn) là bà Nguyễn Thị Th (đã chết ngày 19-7-2017) được thừa kế từ cụ T, cụ R phần đất có diện tích là 3.662 m², còn ông Th được thừa kế phần đất có diện tích là 4.565 m². Ông Th và bà Th đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) đối với diện tích đất nêu trên. Năm 2008, bà Th cắt đất tặng cho 04 người con gồm chị Lê Thị Thu T diện tích 585 m², anh Lê Hoàng PX diện tích 784 m², anh Lê Hải L diện tích 740 m² và chị Lê Thị Bé T diện tích 644 m². Phần đất anh PX được chia giáp ranh với đất của ông Th. Tại thời điểm phân chia di sản thừa kế, ranh giới giữa đất bà Th và đất ông Th là trụ gỗ, sau này ông Th trồng trụ xi măng lấn sang đất của bà Th (nay là đất anh PX). Do anh PX thường đi làm ăn xa nên không biết ông Th lấn chiếm đất. Đến năm 2018, anh PX về phát hiện ông Th xây nhà vệ sinh và trồng cây lâu năm trên thửa đất của anh PX nên 02 bên xảy ra tranh chấp.

Nay anh PX khởi kiện yêu cầu ông Th trả lại quyền sử dụng phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 906,1 m² tại ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn Th khai:

Ông và bà Th là anh em ruột, cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn T (chết năm 1998) và cụ Nguyễn Thị R (chết năm 1983). Lúc còn sống cha mẹ ông có khai phá phần đất có diện tích tích 23.795 m² và năm 1997 được cấp GCNQSDĐ. Vào năm 2005, các con của cụ T và cụ R trong đó có ông và bà Nguyễn Thị Th (mẹ của anh PX) thỏa thuận với nhau về việc phân chia di sản thừa kế của cha mẹ ông để lại, theo đó bà Th được chia 3.100 m² đất thổ vườn, ông được chia 4.950 m² đất thổ vườn. Toàn bộ diện tích đất thổ và đất vườn sau khi cha mẹ ông chết đều do ông quản lý, sử dụng. Sau khi phân chia đất, cắm trụ ranh thì bà Th có kêu người đến đo và xác định phần đất bà Th được chia là 3.100 m², phần đất vườn và thổ còn lại là của ông. Từ khi anh em phân chia đất, ông đã sử dụng liên tục, công khai và nguyên hiện trạng ranh đất từ khi phân chia cho đến nay, bà Th không có ý kiến tranh chấp, giữa thửa đất của ông và đất bà Th (nay là đất anh PX) hiện vẫn còn 02 trụ xi măng do ông và bà Th trồng. Đến đầu năm 2020,

ông xây nhà vệ sinh trên phần đất của ông thì anh PX tranh chấp cho rằng ông lấn đất của anh PX.

Nay anh PX khởi kiện yêu cầu ông trả lại quyền sử dụng đất diện tích 906,1 m², ông không đồng ý, vì ông sử dụng đất đúng với ranh giới thửa đất của ông và thửa đất của bà Th từ năm 2005 cho đến nay, không lấn đất của anh PX. Ông yêu cầu đo đạc lại toàn bộ đất của bà Th, nếu thiếu so với diện tích 3.100 m² theo như thỏa thuận phân chia thừa kế thì ông đồng ý trả lại diện tích đất thiếu cho các con của bà Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Lê Hải Lộc trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp giữa anh PX và ông Th là của ông, bà ngoại anh để lại cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị Th thừa kế. Năm 2008, bà Th tặng cho 04 anh chị em anh mỗi người một phần đất. Anh được bà Th tặng cho 08 mét ngang, dài hết đất. Anh đã được cấp GCNQSDĐ vào năm 2008. Do anh không thường xuyên sống trên phần đất này, nên trong quá trình sử dụng đất ông Th và bà Th sử dụng có sự thay đổi ranh hay không thì anh không biết. Mặc dù đã được tặng cho từ năm 2008, nhưng anh không sử dụng đất, khi bà Th còn sống thì mẹ anh sử dụng, từ khi bà Th chết cho đến nay thì do anh PX sử dụng. Nay anh PX khởi kiện yêu cầu ông Th trả lại quyền sử dụng đất, ý kiến của anh như sau, nếu ông Th có lấn chiếm quyền sử dụng đất của anh theo GCNQSDĐ mà anh đã được cấp thì anh sẽ thương lượng, thỏa thuận với ông Th, nếu không thỏa thuận được, anh sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn (anh PX) chỉ yêu cầu ông Th trả lại quyền sử dụng phần đất diện tích là 468,2 m², một phần thửa 69, tờ bản đồ số 35. Rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất có diện tích còn lại là 437,9 m², thuộc thửa 70 (diện tích 164,2 m²) và thửa 24 (diện tích 273,7 m²), tờ bản đồ số 35, tại ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 157, 158, 165, 166, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166, Điều 168, Điều 175 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5 Điều 166, Điều 202, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoàng PX. Xác định diện tích đất 468,2 m², thuộc một phần thửa 69, tờ bản đồ số 35, tại ấp BC, xã NĐ huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thuộc quyền sử dụng của anh Lê Hoàng PX.

- Buộc ông Nguyễn Văn Th xử lý, tháo dỡ, di dời các tài sản gồm: 01 nhà vệ sinh có diện tích 5,4 m², kết cấu: tường gạch, mái tole, nền gạch men và cây

trông trên đất, trả lại cho anh Lê Hoàng PX 468,2 m² đất, thuộc một phần thửa 69, tờ bản đồ số 35, tại ấp tại ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

- Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoàng PX về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Th trả lại 437,9 m² đất, thuộc một phần thửa 70 (diện tích 164,2 m²) và một phần thửa 24 (diện tích 273,7 m²), tờ bản đồ số 35, tại ấp tại ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 11/8/2022, bị đơn kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Người đại diện bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Trong phần tranh luận:

- Anh Hiếu trình bày: Người làm chứng và các con ông Th đều xác định khi ông Th cắm trụ ranh có mặt bà Th nhưng bà Th không tranh chấp. Bà Th chỉ được chia diện tích 3.100 m² nên việc cấp đất diện tích 3.662 m² cho bà Th của UBND huyện là sai. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh PX.

- Anh Thiện trình bày: khi Tòa án làm việc ông Th nói nếu đo đất ông dư thì ông trả nhưng sau khi đo xong thấy dư đất ông Th không thực hiện. Ông Th không chứng minh được căn cứ sử dụng thửa diện tích 1.376,3 m². Trụ ranh hiện tại do ông Th mới cắm lại. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: ông Th kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong thời gian chuẩn bị xét xử PX thẩm, ngày 23/11/2022 bị đơn ông Nguyễn Văn Th chết, Tòa án đưa vợ và các con ông Th là bà La Thị V, chị Nguyễn Thị Phương L, chị Nguyễn Thị Phương Đ, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh Ph tham gia tố tụng tư cách kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th là phù hợp tại Điều 74 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Anh Hiếu đại diện cho phía bị đơn yêu cầu thu thập thêm hồ sơ phân chia thừa kế của các con bà Th, hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông Th. Nhận thấy, đối với hồ sơ phân chia thừa kế của các con bà Th việc thu thập các chứng cứ trên là không cần thiết vì cấp sơ thẩm đã thu thập GCNQSDĐ của các con bà Th. Đối với hồ sơ cấp GCNQSDĐ của bà Th, ông Th cấp sơ thẩm đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Anh PX được mẹ là (bà Th) tặng cho quyền sử dụng đất và được cấp GCNQSDĐ diện tích 784 m² thửa 69, tờ bản đồ số 35, tại ấp tại ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Từ khi được cấp giấy anh PX không có ở địa phương. Năm 2018, anh về thì phát hiện trụ ranh bị ông Th di dời và lấn chiếm đất của anh phần hậu cuối diện tích 468,2 m² trồng cao su và xây 01 nhà vệ sinh. Ông Th cho rằng ông sử dụng đúng ranh không lấn chiếm đất của anh PX.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Th thấy rằng:

[3.1] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ nhận thấy phần đất các đương sự tranh chấp được xác định như sau:

+ Đất bà Th (mẹ anh PX) được cấp GCNQSDĐ 10/10/2005, thuộc thửa số 46, tờ bản đồ 35, diện tích 3662 m². Đo đạc thực tế diện tích 2.993,5 m² thiếu 668,5 m² so với GCNQSDĐ. Năm 2008, bà Th tách thửa và tặng cho 04 người con gồm: anh Lê Hoàng PX thửa 69, diện tích 784 m²; anh Lê Hải L thửa 70; diện tích 740 m²; chị Lê Thị Bé T thửa 71, diện tích 644 m²; chị Lê Thị Thu T thửa 72, diện tích 585 m² và diện tích còn lại 909 m² bà Th sử dụng. Tất cả đã được cấp GCNQSDĐ.

+ Đất ông Th được cấp GCNQSDĐ ngày 10/10/2005, diện tích 4.565 m², thuộc thửa 24, tờ bản đồ số 35, đo đạc thực tế diện tích là 5.941,3 m² thừa diện tích 1.376,3 m² so với GCNQSDĐ.

+ Tranh chấp nằm trong thửa 69 tờ bản đồ 35 của anh PX 468,2 m², trong thửa 70 của anh Lộc 164,2 m².

+ Trên đất tranh chấp có 01 nhà vệ sinh diện tích 5,4 m², kết cấu: tường gạch, mái tole, nền gạch men do ông Th xây và 37 cây cao su trồng 07 năm, 01 cây xoài trồng 10 năm do ông Th trồng.

[3.2] Về chứng cứ: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông Th, bà Th là cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị R khai phá. Năm 1997, cụ T kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 23.795 m². (Cụ R chết năm 1983, còn cụ T chết năm 1998). Vào năm 2005, các con của cụ

T và cụ R trong đó có ông Th và bà Th (mẹ của anh PX) thỏa thuận với nhau về việc phân chia di sản thừa kế của cha mẹ ông, theo đó bà Th được chia 3.100 m² đất thổ vườn, ông Th được chia 4.950 m² đất thổ vườn. Tuy nhiên, khi chia các đương sự không có đo đạc mà chỉ căn cứ vào diện tích ghi trong thửa đất của bản đồ 299. Khi đăng ký đất cán bộ địa chính kiểm tra số liệu đo đạc xác định đất bà Th thừa 46 số đo cũ là 3100 m², số đo mới là 3662 m². Đất ông Th thừa 24 là 4.950 m², số đo mới là 4565 m² và lập hồ sơ trình UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho bà Th và ông Th theo số đo mới thể hiện tại hồ sơ đăng ký QSDĐ của bà Th, ông Th và kết quả trả lời của UBND huyện Châu Thành. Từ năm 2005 (ngày được cấp giấy) đến năm 2019 ông Th không khiếu nại về việc cấp GCNQSDĐ của UBND huyện đối với ông. Mặt khác, đo đạc thực tế đất ông Th thừa **diện tích 1.376,3 m²** so với GCNQSDĐ, áp bản đồ nhận thấy ông Th đã làm nhà vệ sinh, trồng cây lâu năm trong thửa 69 của anh PX chiếm diện tích 468,2 m² nên cấp sơ thẩm buộc ông Th phải có nghĩa vụ trả lại diện tích đất 468,2 m² là có căn cứ, ông Th kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do ông Th đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th gồm bà La Thị V chị Nguyễn Thị Phương L, chị Nguyễn Thị Phương Đ, anh Nguyễn Thanh Ph, anh Nguyễn Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho anh PX diện tích 468,2 m² trong thửa 69 tờ bản đồ 35 là phù hợp tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự.

[4] Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: do ông Th là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: ông Th phải chịu chi phí xem xét, thẩm định và chi phí định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Do anh PX đã nộp tạm ứng thanh toán do đó những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th là bà La Thị V, chị Nguyễn Thị Phương L, chị Nguyễn Thị Phương Đ, anh Nguyễn Thanh Ph, anh Nguyễn Thanh P phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh PX số tiền 5.000.000 đồng là phù hợp tại Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Đối với cấp sơ thẩm: tuyên bị đơn trả đất nhưng không tuyên tứ cận, đình chỉ một phần do nguyên đơn rút yêu cầu nhưng không tuyên quyền khởi kiện lại là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Th (người kế thừa quyền và nghĩa vụ vụ tố tụng của ông Th gồm: bà La Thị V, chị Nguyễn

Thị Phương L, chị Nguyễn Thị Phương Đ, anh Nguyễn Thanh Ph, anh Nguyễn Thanh P);

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 157, 158, 165, 166, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166, Điều 168, Điều 175 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5 Điều 166, của Luật Đất đai năm 2013, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của anh Lê Hoàng PX đối với ông Nguyễn Văn Th.

1.1. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th gồm: bà La Thị V, chị Nguyễn Thị Phương L, chị Nguyễn Thị Phương Đ, anh Nguyễn Thanh Ph, anh Nguyễn Thanh P phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Hoàng PX diện tích đất 468,2 m² đất, thuộc một phần thửa 69, tờ bản đồ số 35, tại ấp tại ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02121/5686/2008/HĐ-CNHL ngày 16 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Lê Hoàng PX (có sơ đồ kèm theo). Tứ cận:

- Đông giáp một phần thửa 69 của anh PX 37,06 m;
- Tây giáp đường đất 5,92 m
- Nam giáp thửa 24 (đất ông Th) 59, 51 m + 20, 18 m;
- Bắc giáp thửa 70 dài 42,90 m.

1.2. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th gồm: bà La Thị V, chị Nguyễn Thị Phương L, chị Nguyễn Thị Phương Đ, anh Nguyễn Thanh Ph, anh Nguyễn Thanh P phải tự xử lý, tháo dỡ, thu dọn, di dời 01 nhà vệ sinh có diện tích 5,4 m², chặt bỏ, thu dọn toàn bộ cây lâu năm (ông Th đã xây dựng và trồng trong phạm vi đất bị buộc trả cho anh PX nêu ở mục 1.1 trên).

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoàng PX về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Th trả lại 437,9 m² đất, thuộc một phần thửa 70 (diện tích 164,2 m²) và một phần thửa 24 (diện tích 273,7 m²), tờ bản đồ số 35, tại ấp tại ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: buộc bà La Thị V, chị Nguyễn Thị Phương L, chị Nguyễn Thị Phương Đ, anh Nguyễn Thanh Ph, anh Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ trả lại anh Lê Hoàng PX số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

Miễn nộp tiền án phí cho ông Nguyễn Văn Th.

Hoàn trả anh Lê Hoàng PX số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 0006918 ngày 06 tháng 5 năm 2020 và 0007769 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PX THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm